

73.	Dao động cơ - nhiệt của đàn có cơ tính biến thiên có lỗ rỗng dưới tác dụng của một lực điều hòa di động <i>Bùi Văn Tuyên</i> .....	220	87.
74.	Khai niệm về CAV và ứng dụng trong đo lường kiểm soát chất lượng chế tạo sản phẩm <i>Hoàng Đức Bằng</i> .....	223	88.
<b>Tiểu ban: Khoa học - Xã hội</b>			
75.	Góp phần tìm hiểu tư tưởng biện chứng của Lão Tử trong tác phẩm Đạo Đức Kinh <i>Nguyễn Thị Cẩm Tú</i> .....	227	<b>Tiểu</b>
76.	Hoạt động đối ngoại của Nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1965-1975) <i>Trần Thị Ngọc Thủy</i> .....	230	89.
77.	Chủ tịch Hồ Chí Minh với cuộc vận động dư luận tiến bộ Mỹ phản đối Đế Quốc Mỹ xâm lược Việt Nam (1954-1969) <i>Trần Thị Ngọc Thủy</i> .....	233	91.
78.	Mấy suy nghĩ về công tác thanh niên ở nước ta hiện nay <i>Nguyễn Quốc Luật</i> .....	236	92.
79.	Tuyên ngôn độc lập - Những chân lý mang tầm thời đại <i>Nguyễn Thị Nga</i> .....	239	93.
80.	Hiểu thêm về vấn đề cơ bản của triết học, quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề này <i>Đào Thu Hiền</i> .....	242	94.
81.	Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) gắn liền với việc bảo vệ môi trường - Thực hiện mục tiêu phát triển bền vững <i>Lê Văn Thơi</i> .....	245	95.
82.	Tầm quan trọng của việc phát âm đúng tiếng Anh và cách luyện phát âm tiếng Anh cho sinh viên khối không chuyên <i>Dương Thuỳ Hương, Nguyễn Thị Thảo, Trương Thị Thanh Thủy, Nguyễn Hồng Vân</i> .....	248	96.
83.	Biện pháp phát huy tính tích cực tự học theo hình thức đào tạo tín chỉ cho sinh viên Trường Đại học Thủy lợi <i>Phạm Phương Thảo, Trương Thị Hương</i> .....	251	97.
84.	Một số biện pháp nâng cao hứng thú trong giờ học giáo dục thể chất cho sinh viên Trường Đại học Thủy lợi <i>Vũ Văn Trung</i> .....	254	98.
85.	Xây dựng lối sống mới xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay <i>Phạm Văn Hiền</i> .....	257	99.
86.	Sự tương đồng và khác biệt trong thành ngữ tiếng Anh và tiếng Việt sử dụng danh từ chỉ bộ phận cơ thể <i>Nguyễn Thị Thảo, Dương Thuỳ Hương, Trương Thị Thanh Thủy, Nguyễn Hồng Vân</i> .....	260	100.



ISBN: 978-604-82-1980-2

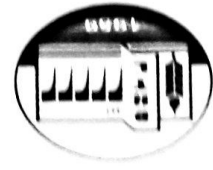
PROCEEDINGS OF THE ANNUAL CONFERENCE ON WATER RESOURCES

NĂM 2016

# TUYÊN TẬP HỘI NGHỊ KHOA HỌC THƯỜNG NIÊN

KỶ NIỆM 60 NĂM THÀNH LẬP KHOA CÔNG TRÌNH, KHOA KỸ THUẬT TẠI NGUYÊN NƯỚC  
VÀ 30 NĂM THÀNH LẬP KHOA CƠ KHÍ

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI



# TẦM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC PHÁT ÂM ĐÚNG TIẾNG ANH VÀ CÁCH LUYỆN PHÁT ÂM TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN KHỎI KHÔNG CHUYÊN

Dương Thụy Hương, Nguyễn Thị Thảo,  
Trương Thị Thanh Thủy và Nguyễn Hồng Văn  
Trường Đại học Đà Nẵng - Email: [duythuy.huong@gmail.com](mailto:duythuy.huong@gmail.com)

## 1. ĐẠI VẤN ĐỀ

Việc học tiếng Anh và đặc biệt mức trình độ nhất định nhất này là một trong những yêu cầu bắt buộc đối với sinh viên khi tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng. Trong thời kỳ hội nhập với xu thế toàn cầu hóa hiện nay thì ngoại ngữ - phổ biến nhất là tiếng Anh có mặt và trở nên cần thiết trong mọi lĩnh vực của đời sống. Một trong những điểm yếu của sinh viên khi không chuyên khi học tiếng Anh là kỹ năng nói, đặc biệt là cách phát âm. Chính vì lý do đó, bài báo phân tích một số lỗi phát âm thường gặp, đồng thời đưa ra gợi ý giúp sinh viên khi không chuyên có thể luyện tập một cách hiệu quả, giúp nâng cao kỹ năng nói tiếng Anh và tự tin hơn khi tham gia giao tiếp trong xã hội, trao đổi chuyên môn bằng tiếng Anh, cũng như trong công việc của mình sau này.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Do phân phát âm cần phải nghe trực tiếp từ người học nên trong nghiên cứu này nhóm tác giả chủ yếu dùng phương pháp quan sát kết hợp với phương pháp phân tích và tổng kết kinh nghiệm. Để có thể liệt kê ra các kết quả về lỗi phát âm, nhóm tác giả đã ghi chép lại những quan sát của mình trong hơn 5 năm dạy sinh viên theo giáo trình mới (có phần luyện ngữ âm). Ngoài ra, nhóm tác giả cũng thường xuyên trao đổi với đồng nghiệp trong

và ngoài trường (các trường khối cơ sở) trong các buổi hội thảo về việc dạy ngoại ngữ cho sinh viên không chuyên.

## 3. MỘT SỐ LỖI PHÁT ÂM THƯỜNG GẶP CỦA SINH VIÊN KHỎI KHÔNG CHUYÊN

Trong quá trình giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên trường Đại học Đà Nẵng, nhóm tác giả thường tham khảo kinh nghiệm giảng dạy của đồng nghiệp từ đồng nghiệp trong và ngoài trường, nhóm nghiên cứu nhận thấy một số sinh viên thường có xu hướng sự nhầm lẫn quen phát âm của tiếng Việt vào việc phát âm tiếng Anh. Một số lỗi phổ biến có thể kể ra như sau:

### 3.1 Lỗi Việt hóa khi phát âm tiếng Anh

Do sự khác biệt về hệ thống ngữ âm giữa các ngôn ngữ nên khi phát âm, sinh viên thường "sáng tạo" bằng cách quy ra một âm gần giống như tiếng Việt. Một số ví dụ về Việt hóa phổ biến thường gặp như sau: *Đ* thường bị quy ra thành âm *đ* như trong tiếng Việt; âm *j* thường đọc thành âm *x*; Các âm cần bật hơi trong tiếng Anh như *p*, *k*, *t* thì được sinh viên đọc như tiếng Việt (không bật hơi). Hoặc một số từ được sinh viên quy ra âm tiếng Việt như *to* hợp chữ cái trong từ.

Ví dụ *au* /oo/ trong từ August thường được đọc thành "*au gư*" (như *londien*) được đọc thành "*au đ*", *londians* thành "*au đ*" -

### 3.2. Lỗi không phát âm phụ âm cuối (ending sounds)

Lỗi không phát âm phụ âm cuối của từ có thể nói là lỗi phổ biến nhất mà sinh viên không chuyên mắc phải khi nói tiếng Anh. Lỗi này là do ảnh hưởng từ thói quen khi dùng tiếng Việt là âm đóng chứ không mở nên âm cuối của tiếng Việt không bao giờ được đọc bật hơi. Ví dụ: *like* đọc thành “lai”; *nice* đọc thành “nai”; ... Lỗi này khiến người nghe gặp rắc rối khi không hiểu người nói đang đề cập đến từ nào. Dẫn đến khi phát âm các từ: *nine, nice, night* đều thành “nai”; các từ *right, rice, write* đều thành “rai”; *why, wine, wife, while, white, wise* đều là “wai”...

Một số các âm phổ biến ở cuối mà sinh viên thường không phát âm khi đọc như:

d: *need, sound, played*

t: *write, stopped, worked*

k: *work, like, cook, thick*

l: *works, pronounce, sentence, science*

ʃ: *wash, moustache, dish*

### 3.3. Lỗi không nhấn trọng âm, không nói âm và không có ngữ điệu

Đây cũng là các lỗi về phát âm phổ biến khiến sinh viên khi nói tiếng Anh giống như đang nói tiếng Việt. Trong tiếng Việt có 6 thanh tạo nên âm điệu cho lời nói và khi đọc lên nghe giống như bản nhạc. Mỗi từ trong tiếng Việt có một tiếng, và mỗi tiếng đều được đọc một cách dứt khoát, không kéo dài, không nối được với các từ khác. Trong tiếng Anh, một từ có thể có nhiều âm tiết và trọng âm đóng vai trò quan trọng để người nghe xác định được từ vựng cũng như là ý của người nói qua cách nhấn mạnh từ trong câu (trọng âm câu). Do bị ảnh hưởng của tiếng Việt, sinh viên khi đọc tiếng Anh thường đọc đều đều, không có ngữ điệu, các từ nhiều âm tiết cũng được đọc ngang như nhau nên cũng không phân biệt được đâu là trọng âm và khiến người giao tiếp cùng không nghe được. Chưa kể đến việc phát âm sai trọng âm còn khiến người nghe hiểu nhầm do có nhiều cặp từ viết giống nhau nhưng trọng âm rơi vào âm tiết khác nhau sẽ làm biến đổi nghĩa của từ. Ví dụ:

- *Comfortable* /'kʌm.fə.tə.bəl/ thì được đọc thành ‘căm phốt tây bô’ tất cả các âm đều được đọc lên, đọc ngang nhau và đọc sai âm.

- *Information* /,ɪn.fə'meɪ.ʃən/ thì được đọc thành “in pho mây sừn” và không phân biệt trọng âm.

- *Find out* /faɪnd-aʊt/ có sự kết nối giữa phụ âm cuối của từ *find* với từ *out*. Tuy nhiên, sinh viên khi đọc thường đọc tách từng từ và nếu nghe cụm từ này từ giáo viên thì sẽ viết thành “find down”.

## 4. CÁCH LUYỆN PHÁT ÂM DÀNH CHO SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN

Từ việc phân tích các lỗi cơ bản khi phát âm tiếng Anh của sinh viên không chuyên, có thể nhận thấy nguyên nhân cơ bản nhất vẫn là do sinh viên không có kiến thức về ngữ âm tiếng Anh và thường Việt hoá các âm đó. Bài báo đưa ra những gợi ý về cách luyện phát âm cho sinh viên, cũng như một số lưu ý dành cho giáo viên khi dạy luyện phát âm cho đối tượng là sinh viên không chuyên với thời lượng dành cho môn học rất hạn chế.

### 4.1. Một số lưu ý đối với người dạy

Do sinh viên không thể phát âm đúng, chính xác, và hay nếu như không đọc được bảng phiên âm quốc tế. Do đó, việc đầu tiên giáo viên cần làm đó là hướng dẫn sinh viên đọc các âm trong bảng mẫu tự phiên âm quốc tế IPA (International Phonetic Alphabet). Bảng mẫu này có thể download được từ trên mạng và phần ngữ âm thường được in kèm ở phần cuối của giáo trình tiếng Anh. Ví dụ như trong giáo trình *New English File* (Pre-intermediate), phần phiên âm có đầy đủ cả ví dụ để người học có thể luyện âm một cách tốt nhất. Ngoài ra, trong từng bài học đều có một phần nhỏ về luyện âm (pronunciation) và giáo viên nên tận dụng từng phần này để cho sinh viên luyện tập chứ không nên bỏ qua để tiết kiệm thời gian cho các phần khác. Ngoài ra, giáo viên cũng cần tạo thói quen cho sinh viên khi tra từ điển cần viết thêm phiên âm của từ đó.

#### 4.2. Gợi ý cách luyện âm cho sinh viên

##### a) Trang bị kiến thức chung về ngữ âm tiếng Anh

- Biết đọc các âm trong bảng nguyên âm và phụ âm tiếng Anh.

- Trang bị cho mình những kiến thức về các quy tắc chung khi đánh trọng âm, cách đọc nối âm và ngữ điệu, cách luyện tập các âm khó trong tiếng Anh.

Tất cả những kiến thức này đều có thể dễ dàng tìm được trên mạng internet. Ví dụ luyện âm /θ/ /ð/ qua một số các câu như:

- 1) *That man over there is very wealthy.*
- 2) *June is the sixth month of the year.*

##### b) Luyện âm trên lớp

Các giờ học tiếng Anh trên lớp là môi trường tốt để sinh viên có thể luyện âm do có bạn bè và giáo viên để thực hành và chỉnh sửa. Sinh viên có thể tự thực hành luyện âm trong các giờ học reading, speaking, listening, vocabulary... Sinh viên có thể tra từ điển rồi ghi phần phiên âm bên cạnh, chú ý hơn cách phát âm của các thầy cô rồi nói theo. Cần tạo cho mình thói quen ghi lại phiên âm mỗi khi cần ghi nhớ hoặc tránh lỗi phát âm nhầm của từ nào đó.

##### c) Luyện tập ngoài giờ trên lớp

Trên trang youtube.com hoặc các trang web học kỹ năng speaking miễn phí như: englishclub.com; tienganh123.com..., sinh viên có thể tìm thấy các video dạy và phân tích cách phát âm của từng âm trong bảng phiên âm quốc tế, hoặc cách phát âm các từ đơn lẻ, các cụm từ và cách nói tiếng Anh một cách giống người bản xứ nhất. Đây là nguồn tài liệu vô tận mà sinh viên có thể tận dụng để thực hành và luyện tập cách phát âm đúng.

Ngoài việc luyện tập theo các video trên mạng, sinh viên có thể luyện tập phát âm qua việc nghe qua các bài hát, các bộ phim, những đoạn phát biểu của các nhân vật nổi tiếng... và đặc biệt chú ý cách nói của người bản ngữ để luyện theo một cách tự nhiên, có cảm xúc chứ không phải đều đều như một cái máy.

Nhiều sinh viên nói tiếng Anh rất nhanh để chứng tỏ mức độ trôi chảy trong kỹ năng nói

của mình. Tuy nhiên, đây lại là một sai lầm vì khi nói nhanh nhưng phát âm không chính xác, không có trọng âm, ngữ điệu... thì người nghe càng không hiểu họ đang nói gì. Vì vậy trước hết phải luyện phát âm đúng, vừa phải. Về mặt âm lượng cần lúc trầm lúc bổng có kiểm soát, đặc biệt có luyện với các trọng âm câu hoặc từ khóa. Ngoài ra, cần đưa cảm xúc vào trong giọng nói cũng có thể hiện qua âm lượng và tốc độ nhằm truyền tải được thông điệp chính xác tới người nghe.

#### 5. KẾT LUẬN

Việc học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh hiện nay đã là một trong những yêu cầu bắt buộc đối với sinh viên. Trong 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thì kỹ năng nói vẫn được coi là điểm yếu nhất của sinh viên không chuyên. Việc phát âm đúng đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành kỹ năng nói chuẩn cho người học và có thể coi là bước tảng vững chắc để người học có thể giao tiếp thành công bằng tiếng Anh. Hy vọng rằng qua bài báo này, sinh viên nhận ra được lỗi phát âm dường như đã thành thói quen của mình để cố gắng chỉnh sửa, đồng thời trang bị cho mình thêm kiến thức về ngữ âm kết hợp với việc luyện tập thường xuyên sẽ trở thành những người giao tiếp tiếng Anh một cách tự tin sau này.

#### 6. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Cook V (1996). Second language learning and language teaching. London: Arnold.
- [2] Dalton, C. (1994). Pronunciation. OUP.
- [3] Dictionary.cambridge.org.
- [4] Kenworthy, J. (1987). Teaching English Pronunciation. Longman.
- [5] Ur, Penny. (1996). A Course in English Teaching: Practice and Theory. Cambridge. London.
- [6] Nguyen Thanh Tam, Tầm quan trọng của phát âm tiếng Anh, ĐH Văn Hoá, Hà Nội.
- [7] Lynda Yates (2002). Fact sheet - What pronunciation? Adult Migrant English Program Research Centre, La Trobe University.



**Ban biên tập:**

Chủ biên: GS.TS Nguyễn Quang Kim, PGS.TS Nguyễn Cảnh Thái  
Biên tập: PGS.TS Nguyễn Cao Đơn, PGS.TS Ngô Lê Long  
Thư ký: CN Nguyễn Thị Phương Anh

Chịu trách nhiệm xuất bản: Trịnh Xuân Sơn  
Biên tập xuất bản và sửa bản in: Đinh Thị Phượng  
Chế bản điện tử: Trường Đại học Thủy lợi  
Phòng Chế bản - Nhà xuất bản Xây dựng  
Sáng tác bìa: Nguyễn Ngọc Dũng

**Cơ quan xuất bản:**

***Trường Đại học Thủy lợi***

175 phố Tây Sơn - Đống Đa - Hà Nội

http: www: tlu.edu.vn

và

***Nhà xuất bản Xây dựng***

Số 37 Lê Đại Hành, Hà Nội

Teo 04 39760216; Fax: 04 3 9741416; Website: www. nxbxaydung.com.vn

ISBN 978-604-82-1980-2

KHXB: 3547-2016/CXBIPH/01-189/XD ngày 18/10/2016

QĐXB: 272-2016/QĐ-XBXD ngày 20/10/2016

In tại: Xưởng in Nhà xuất bản Xây dựng, số 10 Hoa Lư, Hà Nội

# SỰ TƯƠNG ĐỒNG VÀ KHÁC BIỆT TRONG THÀNH NGỮ TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT SỬ DỤNG DANH TỪ CHỈ BỘ PHẬN CƠ THỂ

Nguyễn Thị Thảo, Dương Thuý Hương, Trương Thị Thanh Thuý và Nguyễn Hồng Vân  
Trường Đại học Mở - Địa chất, email: thaoviet2978@gmail.com

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong hệ thống thành ngữ tiếng Anh, các thành ngữ sử dụng bộ phận cơ thể chiếm số lượng lớn, đặc biệt là các bộ phận ‘mắt’ và ‘tai’, bởi những bộ phận này đại diện cho hai trong số năm giác quan của con người. Trong một số trường hợp, tiếng Anh và tiếng Việt có thể có hai thành ngữ tương đương nhau hoàn toàn. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, hai ngôn ngữ sử dụng hình ảnh khác nhau để cũng diễn đạt cùng một ý niệm. Bài báo phân tích các thành ngữ sử dụng các từ ‘ear(s)’ và ‘eye(s)’ trong tiếng Anh và so sánh thành ngữ tương đương trong tiếng Việt, để từ đó tìm ra sự tương đồng và khác biệt giữa hai ngôn ngữ.

Để đạt mục tiêu đã đặt ra, các tác giả sử dụng các phương pháp sau: phương pháp thống kê (mục đích: thống kê các thành ngữ sử dụng ‘ear(s)’ và ‘eye(s)’ làm tư liệu nghiên cứu); phương pháp phân tích (mục đích: phân tích đặc trưng ngữ nghĩa – văn hoá của các thành ngữ tiếng Anh và tiếng Việt); phương pháp so sánh – đối chiếu (mục đích: tìm ra những điểm giống nhau và khác nhau trong thành ngữ của hai ngôn ngữ). Để thống kê các thành ngữ tiếng Anh sử dụng từ ‘ear(s)’ và ‘eye(s)’, chúng tôi sử dụng các cuốn từ điển *Oxford Dictionary of English Idioms*. Thành ngữ tiếng Việt được tham khảo từ *Từ điển thành ngữ Việt Nam* của Viện Ngôn ngữ.

## 2. NHỮNG THÀNH PHẦN NGHĨA CỦA TỪ ‘EAR(S)’ VÀ ‘EYE(S)’

Trong bất kỳ ngôn ngữ nào, từ luôn có liên hệ với nhiều yếu tố khác nhau. Do vậy, nghĩa

của từ không phải chỉ bao gồm một thành phần. Khi xét phương diện nghĩa của từ, thành phần nghĩa chính là nghĩa biểu vật (denotative meaning) và nghĩa biểu tượng (significative meaning) thường được đem ra phân tích trước tiên.

Xét về nghĩa biểu vật, mắt là cơ quan thị giác của con người mà thông qua đó chúng ta ngắm nhìn quan sát thế giới. Mắt còn được cho là cửa sổ của tâm hồn; điều này lý giải tại sao ý nghĩa biểu tượng của đôi mắt mang tính chất tinh thần. Nói cách khác, xét trên nghĩa biểu niệm, đôi mắt còn tượng trưng cho khả năng nhìn, khả năng nhìn nhận đánh giá thế xung quanh. Ví dụ: ‘have an eye for’ nghĩa là ‘có con mắt sành sỏi’.

Tai là cơ quan thính giác tiếp nhận thanh tới từ bên ngoài. Thành ngữ ‘to be all ears’ với nghĩa là ‘chăm chú lắng nghe’ thể hiện nét nghĩa này. Ngoài ra, từ ear(s) trong tiếng Anh còn biểu thị tài năng âm nhạc. Cách sử dụng này bắt nguồn trong tiếng Anh từ thế kỷ 16. Ví dụ: ‘have an ear for’ nghĩa là ‘có khiếu học nhạc hoặc ngón tay’. Thành ngữ ‘play it by ear’ hiểu theo nghĩa đen là ‘chơi nhạc mà không cần xem nhạc in’.

## 3. THÀNH NGỮ TIẾNG ANH SỬ DỤNG ‘EAR(S)’ VÀ ‘EYE(S)’ VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TRONG TIẾNG VIỆT

Đằng sau ngôn ngữ của một dân tộc tồn tại phong văn hoá của dân tộc đó. Lịch sử của ngôn ngữ và lịch sử của văn hoá

đồng hành với nhau, hợp tác bổ trợ cho nhau. Chúng ta lấy thành ngữ 'turn a blind eye to' làm ví dụ. Thành ngữ này có nguồn gốc từ Horatio Nelson, một Đô đốc Hải quân nổi tiếng người Anh bị mù một bên mắt do bị thương. Trong trận chiến Copenhagen, nắm chắc tình hình mình sẽ thắng, ông đã đưa kính viễn vọng lên bên mắt bị mù của mình để giả vờ không nhìn thấy cờ lệnh rút lui của chi huy. Thành ngữ này mang nghĩa 'phớt lờ mọi thông tin/ thực tế không mong muốn' hay tương đương với thành ngữ như 'nhắm mắt làm ngơ' trong tiếng Việt.

Điều này giải thích lý do tại sao nghĩa tương và điều kiện địa lý, tự nhiên, lịch sử, kinh tế, xã hội, nghệ thuật và những đặc điểm khác của dân tộc đó. Chính vì vậy, mọi thành ngữ trong một ngôn ngữ này có thể có hoặc không có thành ngữ tương đương trong một ngôn ngữ khác. Trong bài báo này, thành ngữ tiếng Anh sử dụng tương tiếng Việt và thành ngữ tương đương mức độ như sau:

**Bảng 1: Một số thành ngữ tương đương hoàn toàn**

Tiếng Anh	Tiếng Việt
believe one's eyes/ ears	tin vào mắt tai mình
able to do something with one's eyes closed	nhắm mắt cũng làm được
hit someone in the eye	đập vào mắt
in one's eyes	trong mắt ai đó
(go) in one ear and out the other	nghe vào tai này lọt qua tai kia
keep/ have an eye on someone/ something	để mắt tới ai/ cái gì
in the twinkling of an eye	trong nháy mắt
have a good eye for	có mắt tinh đời
before/ in front of one's eyes	ngay trước mắt ai
cannot take one's eyes off something comes to/ reaches one's ears	không thể dời mắt khỏi/ chuyển gì đến tai ai

### 3.1. Nhóm thành ngữ tương đương hoàn toàn

Như được đề cập ở trên, nghĩa của một thành ngữ có thể được xét trên những khía cạnh khác nhau. Ví dụ như, chúng ta sẽ phân tích thành ngữ 'crocodile tears' bằng cách phân tích kiến thức khoa học tự nhiên. Khi nước mắt của nó rơi xuống miệng, thấm ướt tác mắt - thay vì là sự biểu hiện của cảm xúc, kiến thức cho dễ dàng hơn cho việc nhân tạo. Thành ngữ này mang nghĩa 'khóc giả vờ để gây tạo hay lợi dụng' và thành ngữ tương đương hoàn toàn trong tiếng Việt là 'nước mắt cá sấu'.

### 3.2. Nhóm thành ngữ tương đương không hoàn toàn

Nhóm này bao gồm những thành ngữ giống nhau một phần, hoặc về ngữ nghĩa, từ vựng hoặc cấu trúc. Như phân tích ở trên, trong khi sự cảm nhận về thể giới quan của con người có thể là giống nhau thì sự biểu đạt những cảm nhận ấy qua việc sử dụng ngôn ngữ khác nhau là không giống nhau. So sánh hai thành ngữ 'one's eyes are bigger than his stomach' trong tiếng Việt, chúng ta thấy hai con mắt' trong tiếng Việt, chúng ta thấy hai hình ảnh được sử dụng để so sánh là 'eye(s)' (mắt) và 'stomach' (bụng) giống nhau trong hai ngôn ngữ. Tuy nhiên cách thức biểu đạt ý niệm giữa hai ngôn ngữ (to hơn) được thay đổi 'are bigger than' (to hơn) được thay đổi 'are bigger than' từ đối nghĩa no - đói. Do vậy thành ngữ này được phân loại vào nhóm thành ngữ này được hoàn toàn cùng với một tương đương không hoàn toàn dưới đây.



**Bảng 2: Một số thành ngữ tương đương không hoàn toàn**

Tiếng Anh	Tiếng Việt
one's eyes are bigger than his stomach	no bụng đói con mắt
turn a blind eye	nhắm mắt làm ngơ
an eye for an eye	ăn miếng trả miếng
cry one's eyes out	khóc cạn nước mắt
fall on deaf ears	bị bỏ ngoài tai
wet behind the ears	miệng còn hơi sữa
up to one's ears in something	ngập đầu nấp cổ đầu tạt mặt trời
have nothing between the ears	đầu óc bả đậu
smile from ear to ear	cười ngoác mang tai
easy on the ear	nghe êm tai

### 3.3. Nhóm thành ngữ không tương đương

Trong quá trình khảo sát các thành ngữ tiếng Anh, nhóm nghiên cứu nhận thấy khá nhiều thành ngữ tiếng Anh không có tương đương trong tiếng Việt. Điều này là hoàn toàn dễ hiểu do điều kiện sinh hoạt vật chất, tinh thần, hoàn cảnh địa lý, lịch sử, văn hoá, phong tục tập quán, tâm lý khác nhau của từng dân tộc quy định. Chúng ta xem xét thành ngữ *'with a flea in one's ear'*, một thành ngữ có nguồn gốc từ tiếng Pháp và được sử dụng trong tiếng Anh từ thế kỷ 15. Hình ảnh *con rận (flea)* – vốn không phải là hiếm trong đời sống hàng ngày của người dân thời điểm đó do điều kiện vệ sinh kém – lọt vào trong tai người, cắn đốt và nhảy lung tung để tìm lối ra, đã tạo ra liên tưởng về một sự khó chịu vô cùng giống như một lời chỉ trích, quở trách nặng nề. Thành ngữ *'with a flea in one's ear'* không có tương đương trong tiếng Việt, do vậy được giải thích bằng một cụm từ không mang tính chất thành ngữ (non-idiomatic expression) – *bị khiển trách nặng nề*. Dưới đây là một số thành ngữ khác thuộc nhóm 3.

**Bảng 3: Một số thành ngữ không tương đương**

Tiếng Anh	Tiếng Việt
a flea in one's ear	bị khiển trách nặng nề
one's ears are burning	nghe ngó bị nói xấu
a sight for sore eyes	người/ cảnh tượng đem lại niềm vui

Tiếng Anh	Tiếng Việt
have one's ear to the ground	luôn theo dõi, nắm bắt tin tức
apple of one's eye	người được yêu quý
be out on your ear	bị sa thải trừ xuất ngũ
not see eye to eye with somebody	không cùng quan điểm với ai
have a bird's eye view	có tầm nhìn bao quát từ trên cao

## 4. KẾT LUẬN

Qua phân tích các thành ngữ đồng âm tiếng Việt, chúng ta thấy hai ngôn ngữ có những điểm chung trong thành phần ngữ nghĩa của hai từ *'eye(s)'* và *'ear(s)'* và các từ đồng âm này trong thành ngữ để biểu thị khái niệm. Ngoài ra, giữa hai ngôn ngữ xuất hiện khá nhiều các thành ngữ tương đương hoàn toàn trên các phương diện từ vựng, cấu trúc và ngữ nghĩa. Tuy nhiên, phần lớn thành ngữ tiếng Anh chỉ tương đương một phần, không có thành ngữ tương đương trong tiếng Việt do nhiều yếu tố khác nhau như lịch sử, văn hoá, xã hội quy định. Do vậy, trong quá trình giảng dạy, giáo viên tiếng Anh cần chú trọng, phân tích giúp người học nhận thức rõ để sử dụng chính xác những thành ngữ tiếng Anh sử dụng từ *'ear(s)'* và *'eye(s)'*. Không thể phủ nhận là việc sử dụng chính xác thành ngữ tiếng Anh sử dụng từ *'ear(s)'* và *'eye(s)'* là một trong những yêu cầu bắt buộc của người học. Bài báo này hy vọng cung cấp kiến thức hữu ích và thú vị về một mảng ngôn ngữ cho cả người dạy và người học ngoại ngữ tiếng Anh.

## 5. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Oxford Advanced Learner's Dictionary (2000). China: Oxford University Press.
- [2] Oxford Dictionary of English (1999). Oxford University Press.
- [3] Nguyễn Thiện Giáp. (2009). Từ vựng tiếng Việt. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục.
- [4] Riemer, N. (2010). *Introducing Semantics*. Cambridge: Cambridge University Press.